

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2017/ HNGĐ- ST

Ngày 04/8/2017

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Vũ Văn Thắm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư T, phường H, thị xã C, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2016 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Anh T và chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn và bị đơn trình bày: Anh T và chị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 tại huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, khi đó anh T 20 tuổi, chị N 19 tuổi. Anh chị có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương. Năm 1991, vợ chồng về sống tại Thôn T, xã L, thị xã C, tỉnh Hải Dương cho đến nay. Về việc đăng ký kết hôn, chị N trình bày: Khoảng năm 1992, chị và anh T có đến UBND xã L, thị xã C, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn và có được cấp giấy

chứng nhận kết hôn. Do lâu ngày, chị N không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn để giao nộp cho Tòa án. Anh T xác định, do nhận thức pháp luật không đầy đủ nên anh và chị N không đăng ký kết hôn. Anh chị có mâu thuẫn từ năm 2009. Nguyên nhân chủ yếu do anh T có quan hệ ngoại tình với những người phụ nữ khác. Từ đó đến nay, anh chị không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Anh T xin ly hôn, chị N đồng ý. Về con chung: Anh T và chị N có hai con chung là Nguyễn Thị C, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn S, sinh năm 1992. Hiện tại các con chung đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: Anh T và chị N có tài sản chung là quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác tại Thôn T, xã L, thị xã C nhưng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản xác minh ngày 05/7/2017, UBND xã L, thị xã C, tỉnh Hải Dương xác định: UBND xã L không lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn năm 1988; kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay, không có tên anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị N có nơi cư trú tại xã L, thị xã Chí Linh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T và chị N đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2]. Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 1988, trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Chị N xác định anh chị có đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND xã L, thị xã C nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh; sổ đăng ký kết hôn xã L, thị xã C từ năm 1989 đến nay, không có tên anh chị. Như vậy, lời khai của chị N về việc đăng ký kết hôn không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định anh T và chị N không đăng ký kết hôn, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật thừa nhận. Sau thời gian dài hoà thuận, có hai con chung và có tài sản chung, từ năm 2009 anh chị mâu thuẫn trầm trọng và

không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh chị có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung: Cả hai con chung của anh T và chị N đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000159 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Hiệu